

LỜI MỞ ĐẦU

Toàn cầu hoá kinh tế là xu thế tất yếu biểu hiện sự phát triển nhảy vọt của lực lượng sản xuất do phân công lao động quốc tế diễn ra ngày càng sâu rộng trên phạm vi toàn cầu dưới tác động của cuộc cách mạng khoa học công nghệ và tích tụ tập trung tư bản dẫn tới hình thành nền kinh tế thống nhất. Sự hợp nhất về kinh tế giữa các quốc gia tác động mạnh mẽ và sâu sắc đến nền kinh tế chính trị của các nước nói riêng và của thế giới nói chung. Đó là sự phát triển vượt bậc của nền kinh tế thế giới với tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, cơ cấu kinh tế có nhiều sự thay đổi. Sự ra đời của các tổ chức kinh tế thế giới như WTO, EU, AFTA...và nhiều tam giác phát triển khác cũng là do toàn cầu hoá đem lại.

Theo xu thế chung của thế giới, Việt Nam đã và đang từng bước cố gắng chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Đây không phải là một mục tiêu nhiệm vụ nhất thời mà là vấn đề mang tính chất sống còn đối với nền kinh tế Việt Nam hiện nay cũng như trở về sau. Bởi một nước mà đi ngược với xu hướng chung của thời đại sẽ trở nên lạc hậu và bị cô lập, sớm hay muộn nước đó sẽ bị loại bỏ trên đấu trường quốc tế. Hơn thế nữa, một nước đang phát triển, lại vừa trải qua chiến tranh tàn khốc, ác liệt... thì việc chủ động hội nhập kinh tế với khu vực và thế giới thì lại càng cần thiết hơn bao giờ hết.

Chủ trương hội nhập kinh tế quốc tế, thực hành đường lối đối ngoại hòa bình, hữu nghị với các quốc gia, dân tộc trên thế giới đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu ra từ khi thành lập Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Trong quá trình lãnh đạo công cuộc đổi mới, Đảng và Nhà nước đã đề ra đường lối mở cửa kinh tế, chuyển nền kinh tế sang kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế. Có thể nói, tích cực và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước ta trong quá trình lãnh đạo sự nghiệp đổi mới đất nước. Thực hiện chủ trương này, sau 20 năm đổi mới, nền kinh tế nước ta đã hội nhập sâu và toàn diện vào nền

kinh tế thế giới. Tiếp tục đường lối đối ngoại rộng mở, Văn kiện Đại hội X của Đảng nêu rõ: Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế theo lộ trình, phù hợp với chiến lược phát triển đất nước từ nay đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020. Đẩy mạnh hoạt động kinh tế đối ngoại, hội nhập sâu hơn và đầy đủ hơn với các thể chế kinh tế toàn cầu, khu vực và song phương, lấy phục vụ lợi ích đất nước làm mục tiêu cao nhất. Phát huy vai trò chủ thể và tính năng động của doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trong hội nhập kinh tế quốc tế. Xúc tiến mạnh thương mại và đầu tư, phát triển thị trường mới, sản phẩm mới và thương hiệu mới. Từ khi Việt Nam chính thức là thành viên Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) đã đặt ra nhiều vấn đề mới về lý luận và thực tiễn. Bài viết nhằm nghiên cứu và quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam về hội nhập kinh tế quốc tế, trên cơ sở đó phân tích thực trạng quá trình hội nhập của nền kinh tế nước ta trong công cuộc đổi mới và đề xuất một số giải pháp góp phần nâng cao nhận thức lý luận, đẩy mạnh tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng về hội nhập kinh tế.

Nội dung nghiên cứu bài viết gồm 4 chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận về hội nhập kinh tế quốc tế

Chương 2: Quan điểm của chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng Sản Việt Nam đối với hội nhập kinh tế thế giới.

Chương 3: Thực hiện chủ trương hội nhập kinh tế trong quá trình đổi mới.

Chương 4: Một số giải pháp tạo ra những điều kiện để hội nhập và hợp tác quốc tế hiệu quả.

Đây là đề tài rất sâu rộng, mang tính thời sự và đã có rất nhiều nhà kinh tế đề cập đến vấn đề này. Chủ trương, hội nhập kinh tế quốc tế thực hành đường lối đối

ngoại hoà bình, hữu nghị với các quốc gia, dân tộc trên thế giới đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu ra từ khi thành lập Chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà. Trong quá trình lãnh đạo công cuộc đổi mới, Đảng và Nhà nước đã đề ra đường lối mở cửa kinh tế, chuyển nền kinh tế sang kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế. Từ khi Việt Nam chính thức là thành viên Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) đã đặt ra nhiều vấn đề mới về lý luận và thực tiễn. Bài viết nhằm nghiên cứu và quán triệt quan điểm của Đảng Cộng Sản Việt Nam về hội nhập kinh tế quốc tế, trên cơ sở đó phân tích thực trạng quá trình hội nhập của nền kinh tế nước ta trong công cuộc đổi mới và đề xuất một số giải pháp góp phần nâng cao nhận thức lý luận, đẩy mạnh tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng về hội nhập kinh tế. Tuy nhiên do sự hiểu biết còn hạn chế nên nhóm nghiên cứu chỉ xin đóng góp những phần đã tìm hiểu được của mình. Bài viết còn có rất nhiều sai sót, nhóm nghiên cứu kính mong thầy giúp đỡ để nhóm có thể hoàn thành bài viết tốt hơn.

Nhóm nghiên cứu xin chân thành cảm ơn.

CHƯƠNG 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

1.1. Khái niệm

Hội nhập kinh tế quốc tế là quá trình tham gia vào phân công lao động quốc tế, là sự gắn kết nền kinh tế quốc gia với nền kinh tế thế giới và với các định chế kinh tế tài chính quốc tế trên cơ sở kí kết các hiệp định, các thoả thuận với nhau nhằm mục đích thực hiện những “luật chơi” được hình thành trong quá trình hợp tác giữa các nước với nhau.

1.2. Nội dung của hội nhập kinh tế quốc tế

1.2.1. Nguyên tắc của hội nhập kinh tế quốc tế

Bất kì một quốc gia nào khi tham gia vào các tổ chức kinh tế trong khu vực cũng như trên thế giới đều phải tuân thủ theo những nguyên tắc của các tổ chức đó nói riêng và nguyên tắc của hội nhập kinh tế quốc tế nói chung. Đối với mỗi tổ chức riêng biệt thì chúng có những nguyên tắc cụ thể riêng biệt nhau. Sau đây là một số nguyên tắc cơ bản của hội nhập kinh tế quốc tế:

- Không phân biệt đối xử giữa các quốc gia.
- Tiếp cận thị trường các nước và cạnh tranh công bằng.
- Áp dụng các hành động khẩn cấp trong trường hợp cần thiết.
- Dành ưu đãi cho các nước đang và chậm phát triển.

1.2.2. Nội dung của hội nhập kinh tế quốc tế

Nội dung của hội nhập kinh tế quốc tế là tự do hoá thương mại và đầu tư, đồng thời mở cửa thị trường cho nhau nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của các quốc gia.

- Về thương mại hàng hoá: các nước cam kết bãi bỏ hàng rào thuế quan như QUOTA, giấy phép xuất khẩu..., biểu thuế nhập khẩu được giữ hiện hành và giảm dần theo lịch trình thoả thuận...
- Về thương mại dịch vụ: các nước mở cửa thị trường cho nhau với cả bốn phương thức: cung cấp qua biên giới, sử dụng dịch vụ ngoài lãnh thổ, thông qua liên doanh, hiện diện.
- Về thị trường đầu tư: không áp dụng đối với đầu tư nước ngoài yêu cầu về tỉ lệ nội địa hoá, cân bằng xuất nhập khẩu và hạn chế tiếp cận nguồn ngoại tệ, khuyến khích tự do hoá đầu tư...

1.3. Vai trò của hội nhập kinh tế quốc tế với Việt Nam

Từ cuối thế kỷ 20, toàn cầu hoá kinh tế phát triển mạnh mẽ, toàn diện cả bề rộng và chiều sâu, ảnh hưởng sâu sắc tới chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội các quốc gia, vùng lãnh thổ trên toàn thế giới. Quá trình toàn cầu hoá trong vòng hai thập kỷ qua cho thấy các nước phát triển đều ở thế chủ động. Các nước đang phát triển ở vào vị thế bị động, đi sau, thậm chí có những nước bị gạt ra ngoài lề của toàn cầu hoá. Đối với những nước kinh tế chậm và đang phát triển, trong quá trình hội nhập vào toàn cầu hoá, nếu không nắm bắt được những thuận lợi, cơ hội do toàn cầu hoá tạo ra để phát triển thì kinh tế ngày càng tụt lại xa hơn, bị lệ thuộc về kinh tế, về vốn, công nghệ, thị trường, trở thành nơi bị khai thác, bóc lột về tài nguyên, sức lao động, là thị trường tiêu thụ hàng hoá, nơi “mua đất” các thiết bị, công nghệ lạc hậu đã bị thải loại và môi trường bị ô nhiễm, huỷ hoại.

Việt Nam là nước đang phát triển, thực hiện đổi mới, nền kinh tế nước ta đang chuyển đổi từ cơ chế hành chính bao cấp sang cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Hội nhập, tham gia toàn cầu hoá, nền kinh tế Việt Nam đang trong quá trình gắn kết với kinh tế khu vực và kinh tế thế giới trên tất cả các mặt như lưu chuyển các yếu tố sản xuất, mở cửa thị trường, xuất khẩu hàng hoá,

xuất khẩu lao động, thu hút kỹ thuật, công nghệ, kỹ năng quản lý, các nguồn vốn đầu tư nước ngoài và đầu tư ra ngoài nước, buôn bán thương mại; tham gia vào sự phân công lao động quốc tế, gia nhập các tổ chức kinh tế thế giới và khu vực... đã góp phần làm thay đổi cơ cấu, chất lượng, tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế.

1.3.1. Hội nhập kinh tế quốc tế góp phần mở rộng thị trường xuất khẩu của Việt Nam.

Mở rộng thị trường xuất nhập khẩu là kết quả trực tiếp của quá trình hội nhập. Do hội nhập, năm 1990, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam mới chỉ đạt 2,4 tỷ USD và kim ngạch nhập khẩu đạt 2,75 tỷ USD thì tới năm 2001, con số này đã đạt tới 15,1 tỷ USD xuất khẩu và 16 tỷ USD nhập khẩu. Quan hệ quốc tế có những chuyển biến, nếu năm 1990 Việt Nam có quan hệ buôn bán (thương mại) với hơn 50 nước và vùng lãnh thổ thì hiện nay đã lên tới hơn 170 nước và vùng lãnh thổ ở tất cả các châu lục, các khối kinh tế trên thế giới. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài còn góp phần thúc đẩy các doanh nghiệp trong nước phải vươn lên, đổi mới công nghệ, giảm chi phí sản xuất kinh doanh, nâng cao chất lượng sản phẩm, tiếp cận thị trường, cạnh tranh lành mạnh, từng bước thực hiện hội nhập kinh tế thế giới.

1.3.2. Hội nhập kinh tế quốc tế góp phần tăng thu hút đầu tư nước ngoài và viện trợ phát triển chính thức.

Tham gia hội nhập kinh tế quốc tế là cơ hội để thị trường nước ta được mở rộng, điều này sẽ hấp dẫn các nhà đầu tư. Họ sẽ mang vốn và công nghệ vào nước ta sử dụng lao động và tài nguyên sẵn có của nước ta làm ra sản phẩm tiêu thụ trên thị trường khu vực và thế giới với các ưu đãi mà nước ta có cơ hội mở rộng thị trường, kéo theo cơ hội thu hút vốn đầu tư nước ngoài. Đây cũng là cơ hội để doanh nghiệp trong nước huy động và sử dụng vốn có hiệu quả hơn.

Bằng chính sách đầu tư hấp dẫn, đến nay, đã có trên 70 nước và vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam, trong đó có nhiều công ty và tập đoàn lớn có tiềm lực tài chính - công nghệ, góp phần thay đổi trình độ sản xuất của nước ta. Về nguồn ODA, tính đến thời điểm tháng 12/2011, tổng số vốn ODA cam kết dành cho Việt Nam đạt trên 64,322 tỷ USD với tổng vốn giải ngân chỉ đạt 33,414 tỷ USD. Về tình hình thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), tính đến 15/12/2011, vốn đăng ký mới và đăng ký tăng thêm tại Việt Nam đạt 14,7 tỷ USD với mức giải ngân đạt 11 tỷ USD.

1.3.3. Tham gia hội nhập kinh tế quốc tế cũng tạo điều kiện cho ta tiếp thu khoa học công nghệ tiên tiến, đào tạo cán bộ quản lý và cán bộ kinh doanh.

Tham gia hội nhập kinh tế quốc tế tạo điều kiện cho Việt Nam tiếp thu khoa học công nghệ tiên tiến, tạo cơ sở vật chất kỹ thuật cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Hội nhập kinh tế quốc tế là con đường khai thông thị trường nước ta với khu vực và thế giới, tạo môi trường đầu tư hấp dẫn, có hiệu quả. Qua đó mà các kỹ thuật, công nghệ mới có điều kiện du nhập vào nước ta, đồng thời tạo cơ hội để chúng ta lựa chọn kỹ thuật, công nghệ nước ngoài nhằm phát triển năng lực kỹ thuật, công nghệ quốc gia. Hội nhập kinh tế quốc tế cũng góp phần không nhỏ vào công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ trong nhiều lĩnh vực. Năm qua, có hơn 40 đoàn của các đơn vị thuộc Bộ khoa học công nghệ và địa phương tham gia các khóa đào tạo, khảo sát, học tập kinh nghiệm quản lý hoạt động khoa học công nghệ tại một số nước như Thái Lan, Hàn Quốc, Trung Quốc, Đài Loan, Australia, Canada, Bungari, Liên bang Nga, Tây Ban Nha...

1.3.4. Hội nhập kinh tế quốc tế góp phần duy trì hoà bình ổn định, tạo dựng môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế, nâng cao vị trí Việt Nam trên trường quốc tế.

Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, đa dạng hóa, đa phương hóa, đến nay Việt Nam đã có quan hệ ngoại giao với 167 nước thuộc tất cả các châu lục và lần đầu tiên trong lịch sử có quan hệ bình thường với tất cả các nước lớn, các ủy viên thường trực của Hội đồng bảo an Liên hợp quốc. Trong điều kiện quốc tế ngày nay khi quá trình hội nhập ngày càng được xúc tiến nhanh, ngoại giao đa phương ngày càng giữ một vị trí quan trọng, góp phần nâng cao vị thế quốc tế của đất nước trên thế giới. Từ đầu những năm 90 Việt Nam đã khai thông quan hệ với các tổ chức tài chính quốc tế, tiếp đó năm 1995 chính thức gia nhập ASEAN và tham gia AFTA. Năm 1996 Việt Nam tham gia Diễn đàn hợp tác Á - Âu (ASEM) với tư cách là thành viên sáng lập và năm 1998 trở thành thành viên chính thức của Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC). Việt Nam cũng đã đàm phán và ký Hiệp định Thương mại với Mỹ.

1.3.5. Hội nhập kinh tế quốc tế tạo cơ hội mở rộng giao lưu các nguồn lực nước ta với các nước khác.

Hội nhập kinh tế quốc tế sẽ tạo cơ hội để nguồn nhân lực của nước ta khai thông, giao lưu với các nước. Ta có thể thông qua hội nhập để xuất khẩu lao động hoặc có thể sử dụng lao động thông qua các hợp đồng gia công chế biến hàng xuất khẩu. Đồng thời tạo cơ hội để nhập khẩu lao động kỹ thuật cao, các công nghệ mới, các phát minh sáng chế mà ta chưa có.

CHƯƠNG 2

QUAN ĐIỂM CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

VÀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VỀ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

2.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về hội nhập kinh tế quốc tế.

Trong hành trình 30 năm tìm đường cứu nước, bốn ba khắp năm châu, bốn biển, sống và hoạt động trong phong trào giải phóng dân tộc và công nhân quốc tế, thấm nhuần chủ nghĩa Mác - Lênin, qua trải nghiệm thực tiễn đấu tranh cách mạng, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã đặt nền móng xây dựng tình hữu ái giữa phong trào cách mạng và công nhân quốc tế, các dân tộc với Đảng cộng sản, đất nước, nhân dân Việt Nam. Về nước năm 1941, trực tiếp lãnh đạo cuộc đấu tranh cách mạng giải phóng dân tộc và Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945, sáng lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương thực hành đường lối đối ngoại hòa bình, hữu nghị và hội nhập với thế giới để bảo vệ chủ quyền quốc gia, kiến thiết nước nhà.

Ngay sau Cách mạng tháng Tám thành công, xuất phát từ nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, công nghệ, kỹ thuật kém phát triển, bị kiệt quệ vì bóc lột của chủ nghĩa đế quốc, Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương để Việt Nam mở rộng quan hệ với các nước để học tập, tiếp thu kinh nghiệm phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội. Trong thư gửi Bộ trưởng Ngoại giao Hoa Kỳ ngày 1/11/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đề nghị: “Nhân danh Hội Văn hóa Việt Nam, tôi xin được bày tỏ nguyện vọng của Hội được gửi một phái đoàn khoảng 50 thanh niên Việt Nam sang Mỹ với ý định một mặt thiết lập những mối quan hệ văn hóa thân thiết với thanh niên Mỹ,

và mặt khác để xúc tiến việc tiếp tục nghiên cứu về kỹ thuật nông nghiệp cũng như các lĩnh vực chuyên môn khác. (Hồ Chí Minh, Toàn tập, t4, tr.80)

Quan điểm nổi bật trong hội nhập và hợp tác quốc tế của Hồ Chí Minh là “làm bạn với tất cả mọi nước dân chủ và không gây thù oán với một ai”, thể hiện tư tưởng hòa bình, hữu nghị, cùng có lợi. Theo Hồ Chí Minh, trong điều kiện đất nước còn nghèo thì hội nhập, hợp tác quốc tế, sự giúp đỡ của các nước là một nguồn vốn quý cũng như thêm vốn cho ta. Ta phải khéo dùng cái vốn ấy để bồi bổ lực lượng của ta, phát triển khả năng của ta. Người không bao giờ nhầm lẫn giữa những giá trị văn minh của nhân loại với những xấu xa của chủ nghĩa tư bản thực dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận thức rõ rằng, mọi thành tựu của khoa học kỹ thuật, mọi nguồn lực kinh tế, văn hóa đã được tạo ra đều là tài sản chung của văn minh nhân loại. Do đó, nước ta phải tích cực hội nhập thông qua các hình thức hợp tác quốc tế để khai thác tốt nhất mọi giá trị nguồn lực của nhân loại nhằm làm giàu và tăng cường sức mạnh cho dân tộc, giữ vững quyền độc lập tự do, mưu cầu hạnh phúc cho đồng bào.

Từ địa vị một nước thuộc địa mới giành độc lập, lại nghèo, trong hội nhập, hợp tác với các nước, bao giờ cũng tiềm ẩn nhiều điều bất lợi. Do vậy, Hồ Chí Minh đòi hỏi hợp tác, quan hệ quốc tế phải trên cơ sở thật thà và cùng có lợi, chống lại mọi thủ đoạn để dẫn tới sự can thiệp và thôn tính lẫn nhau. Trong quan hệ hợp tác với các nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh tìm mọi cách để ngăn chặn những tác động xấu, những hành động lợi dụng hợp tác vi phạm độc lập chủ quyền lãnh thổ của Việt Nam. Người nói: “Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa sẵn sàng đặt quan hệ thân thiện hợp tác với bất kỳ một nước nào trên nguyên tắc tôn trọng sự hoàn chỉnh về chủ quyền và lãnh thổ của nhau, không can thiệp nội trị của nhau, bình đẳng cùng có lợi và chung sống hòa bình. Chúng tôi tin chắc rằng sự hợp tác đó sẽ có lợi

cho cả đôi bên và có lợi cho công cuộc hòa bình toàn thế giới”. (Hồ Chí Minh, Toàn tập, t8, tr.5)

Quan điểm tích cực hội nhập, hợp tác quốc tế của Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện rõ trong thư của Người gửi cho Liên hợp quốc tháng 12/1946: “Đối với các nước dân chủ, nước Việt Nam sẵn sàng thực thi chính sách mở cửa và hợp tác trong mọi lĩnh vực: a) Nước Việt Nam giành sự tiếp nhận thuận lợi cho đầu tư của các nhà tư bản, nhà kỹ thuật nước ngoài trong tất cả các ngành kỹ nghệ của mình. b) Nước Việt Nam sẵn sàng mở rộng các cảng, sân bay và đường sá giao thông cho việc buôn bán và quá cảnh quốc tế. c) Nước Việt Nam chấp nhận tham gia mọi tổ chức hợp tác kinh tế quốc tế dưới sự lãnh đạo của Liên hợp quốc... Trong cuộc đấu tranh vì những quyền thiêng liêng của mình, nhân dân Việt Nam có một niềm tin sâu sắc rằng họ cũng chiến đấu cho một sự nghiệp chung: “Đó là sự khai thác tốt đẹp những nguồn lợi kinh tế và mọi tổ chức có hiệu quả cho an ninh ở Viễn Đông”.” (Hồ Chí Minh, Toàn tập, t4, tr.470)

Ngày nay, trong xu thế toàn cầu hóa, phát triển kinh tế tri thức, quá trình đổi mới ở nước ta càng đi vào chiều sâu, hội nhập và hợp tác quốc tế có vai trò to lớn đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước. Quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về hội nhập, hợp tác quốc tế thật sự là kim chỉ nam để dân tộc ta vượt lên sớm thoát khỏi đói nghèo, thực hiện dân giàu, nước mạnh.

2.2. Quan điểm, mục tiêu của Đảng về hội nhập kinh tế quốc tế

Trong bối cảnh hiện nay, hội nhập kinh tế quốc tế không chỉ đơn thuần giới hạn trong phạm vi cắt giảm thuế quan mà đã được mở rộng ra tất cả lĩnh vực liên quan đến chính sách kinh tế thương mại, nhằm mục đích mở cửa thị trường cho hàng hoá và dịch vụ, loại bỏ các rào cản hữu hình và vô hình đối với trao đổi thương mại.

Qua 25 năm, sự nghiệp đổi mới của Việt Nam đạt được những thành tựu như ngày hôm nay là nhờ có Đảng lãnh đạo và do Đảng đã luôn luôn chủ động, sáng tạo trong đổi mới tư duy về kinh tế. Đường lối và chính sách đổi mới từ Đại hội VI (1986) của Đảng đã đặt cơ sở, nền tảng ban đầu cho giai đoạn chuyển đổi mạnh mẽ của nền kinh tế nước ta. Đảng đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện, sâu sắc, trong đó có đổi mới tư duy về kinh tế, đột phá khâu cho đổi mới các lĩnh vực tiếp theo. Tuy nhiên, trong giai đoạn phát triển mới của đất nước đòi hỏi phải xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, mở cửa hội nhập kinh tế quốc tế, do vậy chúng ta cần phải tiếp tục đổi mới mạnh hơn nữa tư duy kinh tế cho phù hợp với điều kiện của đất nước, xu hướng phát triển của thế giới và của thời đại.

Bước ngoặt trong đổi mới tư duy kinh tế của Đảng là chúng ta chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, quan liêu, bao cấp sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Thành tựu nổi bật nhất trong bước khởi đầu đổi mới tư duy kinh tế là phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước. Quan điểm về mô hình nền kinh tế trong thời kỳ quá độ đã thay đổi căn bản và đến nay đã được xác lập, đó là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa không chỉ có hai thành phần kinh tế quốc doanh và tập thể mà tồn tại nhiều thành phần kinh tế khác nhau. Qua quá trình phát triển nhận thức, cũng như tư duy lý luận về các thành phần kinh tế ngày một hoàn chỉnh, đến Đại hội X của Đảng, nền kinh tế nước ta được xác lập gồm 5 thành phần kinh tế: Kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân (cá thể, tiểu chủ, tư hữu tư nhân), kinh tế tư bản nhà nước và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Sự đổi mới tư duy kinh tế của Đảng không chỉ dừng lại ở việc xác định số lượng các thành phần kinh tế tồn tại trong nền kinh tế, mà còn xác lập đúng vị trí, vai trò của từng thành phần kinh tế trong nền kinh tế quốc dân. Có thể nói, sự đổi mới tư duy kinh tế của Đảng về các thành phần kinh tế có tầm quan trọng đặc biệt, nó tạo điều kiện

thuận lợi cho mọi cá nhân, tổ chức trong toàn xã hội phát huy mọi tiềm năng, sáng tạo, tạo ra sức mạnh to lớn cho sự nghiệp phát triển kinh tế, xã hội của đất nước, đồng thời nó là động lực to lớn cho chúng ta phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đổi mới tư duy kinh tế về phát triển nền kinh tế nhiều thành phần còn góp phần quan trọng trong việc hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa thông qua tính dân chủ trong hoạt động kinh tế, mọi cá nhân đều có quyền tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh một cách bình đẳng theo pháp luật.

Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong các kỳ đại hội:

- Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (Đại hội 6)

Đại hội 6 (tháng 12/1986) và các Hội nghị Trung ương tiếp theo đã phân tích sâu sắc tình hình thế giới, đề ra Chủ trương và giải pháp ứng phó với những tác động tiêu cực của tình hình, với nội dung chủ yếu là đẩy lùi chính sách bao vây kinh tế, cô lập về chính trị đối với nước ta và mở rộng các quan hệ quốc tế.

- Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII (Đại hội 7)

Nghị quyết của Đại hội 7 (tháng 6/1991) đã khẳng định “Việt Nam muốn là bạn của các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển”, “gắn thị trường trong nước với thị trường thế giới” và “mở rộng, đa phương hoá các quan hệ kinh tế đối ngoại trên nguyên tắc giữ vững độc lập, chủ quyền, bình đẳng, cùng có lợi”.

Như vậy, nếu như ở Đại hội 6, ta mới bắt đầu Chủ trương “đẩy lùi chính sách bao vây kinh tế và tiến tới mở rộng quan hệ quốc tế” nhưng chưa dám mạnh dạn đề cập tới những khái niệm “gắn thị trường trong nước và thị trường thế giới” hay “đa

phương hoá quan hệ kinh tế đối ngoại” thì đến Đại hội 7 quan điểm đó, xu hướng đó đã trở nên rõ ràng hơn mặc dù ngôn ngữ thể hiện còn khá dè dặt.

- Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII (Đại hội 8)

Nghị quyết của Đại hội 8 (tháng 6/1996) đã đề ra Chủ trương “trên cơ sở phát huy nội lực, thực hiện nhất quán, lâu dài chính sách thu hút các nguồn lực bên ngoài; tích cực và chủ động thâm nhập, mở rộng thị trường quốc tế”; “trong hoàn cảnh mới, chúng ta chủ trương xây dựng một nền kinh tế mở, đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ kinh tế đối ngoại, hướng mạnh xuất khẩu”; “điều chỉnh cơ cấu thị trường để vừa hội nhập khu vực, vừa hội nhập quốc tế, xử lý đúng đắn lợi ích giữa ta và các đối tác, chủ động tham gia cộng đồng thương mại thế giới, các diễn đàn, các tổ chức, các định chế quốc tế một cách có chọn lọc với bước đi thích hợp”; “tiến hành khẩn trương vững chắc đàm phán Hiệp định thương mại với Mỹ, gia nhập APEC, WTO. Có kế hoạch cụ thể để chủ động thực hiện để chủ động thực hiện cam kết trong khuôn khổ AFTA”.

Có thể nói chỉ tới Đại hội 8, chủ trương về hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng ta mới được thể hiện rõ ràng và chi tiết đến như vậy. Điều này cho thấy sự thay đổi chiến lược và nhất quán trong chính sách của Đảng về phát triển kinh tế xã hội đối với đất nước. Nó cũng cho thấy Đảng ta nhìn nhận đúng đắn vai trò của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế tới sự phát triển toàn diện và chiến lược tương lai của cả một dân tộc. Lần đầu tiên các thuật ngữ như “hội nhập quốc tế”, “tích cực và chủ động thâm nhập” hoặc “chủ động tham gia cộng đồng thương mại thế giới” hay “gia nhập các tổ chức APEC, WTO” được thể hiện mạnh mẽ, tạo ra một “kim chỉ nam” cho toàn bộ chính sách kinh tế đối ngoại của nước ta trong thời kỳ này.

- Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX (Đại hội 9)

Chủ trương về chủ động hội nhập kinh tế quốc tế tại Đại hội 8 đã được Đại hội 9 phát triển và nâng cao lên một tầm mới với phương châm “Việt Nam sẵn sàng là bạn và là đối tác tin cậy của tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển”; “chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, đảm bảo độc lập tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích dân tộc, giữ vững bản sắc văn hoá dân tộc, bảo vệ môi trường”.

Điều đáng lưu ý ở đây là chủ trương chủ động hội nhập tại Đại hội VIII đã được phát triển thành “chủ động tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế đa phương, song phương đã ký kết và chuẩn bị tốt các điều kiện để sớm gia nhập WTO” (Hội nghị Trung ương Khoá IX).

- Nghị quyết 07-NQ/TW về hội nhập kinh tế quốc tế

Ngày 27/11/2001, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 07-NQ/TW về hội nhập kinh tế quốc tế. Nghị quyết đã kế thừa, cụ thể hoá và triển khai các đường lối của Đảng đề ra từ trước tới nay, đồng thời đáp ứng kịp thời những đòi hỏi khách quan của tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

Nghị quyết khẳng định “chủ động và khẩn trương chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đổi mới công nghệ và trình độ quản lý nhằm khai thác tối đa lợi thế so sánh của quốc gia và nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế nhằm đáp ứng những đòi hỏi của công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước”, đồng thời Nghị quyết cũng đưa ra những quan điểm chỉ đạo cho quá trình hội nhập là:

- Quán triệt Chủ trương đã được xác định tại Đại hội IX;

- Hội nhập kinh tế quốc tế là sự nghiệp của toàn dân; trong quá trình hội nhập cần phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực của các thành phần kinh tế, của toàn xã hội, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo;
- Hội nhập kinh tế quốc tế là quá trình vừa hợp tác, vừa đấu tranh và cạnh tranh, vừa có nhiều cơ hội, vừa không ít thách thức, do đó cần tỉnh táo, khôn khéo và linh hoạt trong việc xử lý tính hai mặt của hội nhập tùy theo đối tượng, vấn đề, trường hợp, thời điểm cụ thể; vừa phải đề phòng tư tưởng trì trệ, thụ động, vừa phải chống tư tưởng giản đơn, nôn nóng;
- Nhận thức đầy đủ đặc điểm nền kinh tế nước ta, từ đó đề ra kế hoạch và lộ trình hợp lý, vừa phù hợp với trình độ phát triển của đất nước, vừa đáp ứng các quy định của các tổ chức kinh tế quốc tế mà nước ta tham gia; tranh thủ những ưu đãi dành cho các nước đang phát triển và các nước có nền kinh tế chuyển đổi từ kinh tế tập trung bao cấp sang kinh tế thị trường;
- Kết hợp chặt chẽ quá trình hội nhập kinh tế quốc tế với yêu cầu giữ vững an ninh, quốc phòng, thông qua hội nhập để tăng cường sức mạnh tổng hợp của quốc gia, nhằm củng cố chủ quyền và an ninh đất nước, cảnh giác với những mưu toan thông qua hội nhập để thực hiện ý đồ "diễn biến hòa bình" đối với nước ta.

Chương trình hành động của Chính phủ về hội nhập kinh tế quốc tế

Ngày 14/03/2002 Thủ tướng chính phủ ban hành quyết định số 37/2002/QĐ-TTg về chương trình hành động của Chính phủ thực hiện nghị quyết 07-NQ/TW của Bộ Chính trị về hội nhập kinh tế quốc tế:

Chúng ta hành động nhằm “tổ chức thực hiện thắng lợi NQ của Bộ Chính trị và HNKTQT theo tinh thần phát huy cao độ nội lực khai thác tối đa nguồn lực dự trữ bên ngoài, tạo thế và lực mới cho công cuộc phát triển kinh tế xã hội đưa đất nước tiến nhanh, tiến mạnh vững chắc trong thế kỷ XXI”.

Trong chương trình hành động, Thủ tướng Chính phủ đã giao cho các Ban, Bộ, Ngành hữu quan:

- Thông qua các phương tiện đại chúng, xuất bản ấn phẩm, tổ chức việc tuyên truyền giới thiệu các thông tin, kiến thức về HNKTQT, về chủ trương đường lối của Đảng và nhà nước về HNKTQT.
- Xây dựng chương trình và đưa nội dung HNKTQT vào giảng dạy ở trường Đảng, trường Hành Chính, trường Đại học và Cao đẳng
- Tiến hành việc rà soát hệ thống văn bản pháp luật và cơ chế chính sách hiện hành, kiến nghị việc hoàn thiện hệ thống pháp luật cho sát hợp với các định chế của tổ chức thương mại thế giới WTO và các cam kết quốc tế.
- Xây dựng đề án chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phương án xây dựng cơ chế quản lý kinh tế thị trường theo định hướng XHCN, phương án cơ chế tạo dựng môi trường kinh doanh bình đẳng.
- Xây dựng chương trình xúc tiến mở rộng thị trường xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ của Việt Nam, tăng cường biện pháp thu hút vốn đầu tư và các nguồn lực khoa học, công nghệ và trình độ quản lý tiên tiến của nước ngoài.
- Tiến hành điều tra, phân loại, đánh giá khả năng cạnh tranh của từng sản phẩm, từng ngành hàng, từng dịch vụ, từng doanh nghiệp, từng địa phương để xây dựng kế hoạch, biện pháp thiết thực nhằm nâng cao hiệu quả và tăng cường khả năng cạnh tranh.

- Hoàn thiện chiến lược tổng thể về Hội nhập kinh tế quốc tế.
- Các Bộ, Ngành, địa phương căn cứ vào chiến lược tổng thể về HNKTQT và chương trình hành động của Chính phủ, xây dựng kế hoạch hội nhập của Bộ, ngành và địa phương mình.

CHƯƠNG 3

THỰC HIỆN CHỦ TRƯỞNG HỘI NHẬP KINH TẾ

TRONG QUÁ TRÌNH ĐỔI MỚI.

3.1. Thành tựu đạt được trong tiến trình hội nhập kinh tế thế giới

Kết hợp với các quan điểm, chủ trương và sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, Việt Nam đã được đạt nhiều thành tựu đáng kể từ quá trình hội nhập kinh tế thế giới cụ thể như sau:

- Tham gia các khu vực mậu dịch tự do ASEAN, ASEAN - Trung Quốc và các khu vực mậu dịch tự do khác (ASEAN - Nhật Bản, ASEAN - Ấn Độ, ASEAN - Hàn Quốc)
- Tham gia diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương (APEC)
- Tham gia diễn đàn hợp tác kinh tế Á - Âu (ASEM)
- Tham gia tổ chức thương mại thế giới (WTO)

Đến nay Việt Nam đã có quan hệ hợp tác với nhiều tổ chức kinh tế, tiền tệ thế giới như Ngân hàng thế giới (WB), Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), Ngân hàng phát triển châu Á (ADB); gia nhập Hiệp hội các nước Đông - Nam Á (ASEAN) năm 1995 và Khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA) năm 1996; tham gia sáng lập diễn đàn hợp tác Á - Âu (ASEM) năm 1996; gia nhập Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) năm 1998 và đặc biệt năm 2007 trở thành thành viên chính thức của Tổ chức thương mại thế giới (WTO). Việt Nam đã đẩy lùi được chính sách bao vây, cô lập về chính trị, cấm vận về kinh tế của các thế lực thù địch. Hiện chúng ta đã có quan hệ thương mại với hơn 170 nước và vùng lãnh

thổ, đã ký hiệp định thương mại với gần 100 quốc gia và có thỏa thuận về đối xử tối huệ quốc với 81 quốc gia và vùng lãnh thổ. Hầu hết các nước trên thế giới, kể cả những nước đã từng là thù địch chống nước ta, đều coi Việt Nam là đối tác tin cậy, là thị trường giàu tiềm năng và ổn định, là nơi đầu tư hết sức lý tưởng cho các nhà đầu tư nước ngoài, không ít quốc gia lớn, có tiềm lực kinh tế xem Việt Nam là đối tác kinh tế chiến lược. Những thành tựu đạt được trong đổi mới tư duy kinh tế của Đảng trong thời gian qua là hết sức to lớn, có thể ví như một cuộc cách mạng thật sự về kinh tế đối với nước ta. Tuy nhiên, đó mới chỉ là những thành tựu bước đầu, để đạt được mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh” việc tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy lý luận về kinh tế của Đảng đang là đòi hỏi khách quan với các yếu tố cơ bản sau:

Một là, sự phát triển của nền kinh tế tri thức. Đặc trưng của nền kinh tế tri thức là sử dụng có hiệu quả tri thức và những sáng tạo mới của con người để đẩy nhanh tốc độ đổi mới sản phẩm và công nghệ. Dưới quan điểm về kinh tế phát triển, kinh tế tri thức là kinh tế trong đó sản sinh ra, truyền bá và sử dụng tri thức, là động lực chủ yếu nhất của tăng trưởng, tạo ra của cải, việc làm trong tất cả các ngành kinh tế và là nền kinh tế mở ra khả năng phát triển bền vững, nâng cao chất lượng cuộc sống. Nền kinh tế tri thức là điều kiện thuận lợi, là phương tiện để các quốc gia tăng tốc phát triển kinh tế. Sự xuất hiện của nền kinh tế tri thức, một mặt tạo cơ hội cho chúng ta tiếp cận những thành tựu của nhân loại, mặt khác nó buộc chúng ta phải đổi mới tư duy trong ban hành và tổ chức thực hiện chính sách kinh tế.

Hai là, toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế. Toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế là điều kiện hết sức thuận lợi để các quốc gia đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, đồng thời cũng tạo nên những thách thức không nhỏ đối với các quốc gia. Toàn cầu hóa tạo điều kiện giao lưu, hợp tác giữa các quốc gia, trên cơ sở đó các quốc gia có thể tiếp thu những thành tựu của văn minh nhân loại để phát

triển kinh tế, văn hóa và xã hội. Nó là quá trình vừa hợp tác để phát triển, vừa đấu tranh rất phức tạp để tồn tại, đặc biệt là đấu tranh giữa các nước đang phát triển để bảo vệ lợi ích của mình, trong đó có Việt Nam.

Toàn cầu hóa tạo điều kiện thuận lợi cho các quốc gia thực hiện công cuộc cải cách của mình, đồng thời cũng là yêu cầu, sức ép đối với các quốc gia trong việc đổi mới và hoàn thiện thể chế kinh tế, đặc biệt là các chính sách và phương thức quản lý vĩ mô. Toàn cầu hóa tạo dựng các nhân tố mới và điều kiện mới cho sự phát triển của từng quốc gia và cộng đồng quốc tế trên cơ sở trình độ phát triển ngày càng cao của lực lượng sản xuất, là điều kiện để khơi thông các nguồn lực trong và ngoài nước, mở rộng thị trường, chuyển giao công nghệ và các kinh nghiệm quản lý. Tuy nhiên toàn cầu hóa cũng tạo ra nhiều thách thức không nhỏ đối với các quốc gia, nhất là những quốc gia đang phát triển. Do vậy, để khỏi bị gạt ra ngoài lề phát triển của thế giới và hội nhập kinh tế quốc tế thành công thì chúng ta phải tiếp tục đổi mới trong nhận thức, trong tư duy về kinh tế.

Ba là, năng lực cạnh tranh của quốc gia, doanh nghiệp và sản phẩm còn yếu. Một trong những thách thức lớn nhất đối với Việt Nam hiện nay trong hội nhập kinh tế quốc tế là sức cạnh tranh của các doanh nghiệp, sản phẩm và quốc gia còn yếu, sức cạnh tranh chủ yếu dựa vào lợi thế lao động rẻ và tài nguyên. Theo đánh giá của Diễn đàn kinh tế thế giới (WEF) thì Việt Nam vẫn nằm trong số 60 nước có môi trường kinh doanh khó khăn nhất; đánh giá của WEF, Ngân hàng thế giới và Công ty tài chính quốc tế về năng lực cạnh tranh toàn cầu thì năm 2006, 2007 Việt Nam xếp hạng 77/125 quốc gia, tụt 3 bậc so với năm 2005. Nguyên nhân của tình trạng này là do chúng ta chậm đổi mới về tư duy kinh tế trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế. Sự đổi mới không theo kịp với xu hướng phát triển của thời đại đã làm kìm hãm phát triển của doanh nghiệp và quốc gia. Thời gian qua, chúng ta chỉ tập trung vào các nhân tố bên trong, dựa vào nội lực là chính, chưa thật sự đánh giá

đúng vai trò, cũng như sức ép từ các nhân tố bên ngoài trong phát triển kinh tế. Doanh nghiệp chưa thật sự quan tâm đến hội nhập, chưa thật sự chủ động thay đổi tư duy, cách thức tổ chức cho phù hợp với điều kiện mới của môi trường cạnh tranh quốc tế. Trong hơn 25 năm đổi mới, mặc dù chúng ta đã đạt được những thành tựu kinh tế hết sức ấn tượng, song khách quan mà nói nền kinh tế nước ta vẫn đang trong tình trạng lạc hậu, đổi mới tư duy về kinh tế chưa theo kịp với sự biến đổi nhanh chóng của thời đại, nhất là những thay đổi của nhân loại mang tính đột phá như công nghệ thông tin, kinh tế tri thức, công nghệ sinh học, mô hình phát triển kinh tế. Việt Nam cũng đã có những thứ hạng đáng kể về xuất khẩu một số mặt hàng và thu hút đầu tư, song nếu phân tích, đánh giá một cách khách quan thì chưa thật sự tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của đất nước. Vì vậy, chúng ta cần phải tiếp tục đổi mới tư duy kinh tế để tiếp tục cải thiện vị thế của mình trong cộng đồng kinh tế quốc tế.

Bốn là, những bất cập của thực tiễn cuộc sống. Sự phát triển kinh tế trong thời gian qua, đặc biệt là sự tăng lên mạnh mẽ số lượng các doanh nghiệp và huy động vốn đầu tư đang gặp những rào cản. Đó là tình trạng ban hành chính sách kinh tế chưa phù hợp với thực tế, còn có những bất cập trong việc ban hành và thực thi chính sách, nhất là chính sách đất đai và tín dụng. Môi trường kinh doanh chưa thật sự thuận lợi. Hiện nay, tiềm lực nội tại của nền kinh tế nước ta vẫn còn rất lớn, nguồn vốn trong dân còn nhiều nhưng chưa được sử dụng vào đầu tư phát triển kinh tế. Trong một số khu vực kinh tế đã có dấu hiệu chững lại. Sự phát triển kinh tế đang kéo theo nhiều vấn đề cần phải giải quyết như khoảng cách giàu nghèo ngày càng lớn, tài nguyên và môi trường bị ảnh hưởng nặng nề, năng suất lao động và hiệu quả kinh tế còn thấp, chất lượng tăng trưởng kinh tế chưa cao...

3.2. Những khó khăn trong quá trình hội nhập

Việt Nam là một nước có nền kinh tế đang phát triển. Mặc dù đã có những bước tiến quan trọng về tăng trưởng kinh tế. Song chất lượng tăng trưởng, hiệu quả sản xuất, sức cạnh tranh của các sản phẩm, các doanh nghiệp và của nền kinh tế còn thấp.

Một là, tình trạng phổ biến hiện nay là sản xuất còn mang tính tự phát, chưa bám sát nhu cầu thị trường.

Nhiều sản phẩm làm ra chất lượng thấp, giá thành cao nên giá trị gia tăng thấp, khả năng tiêu thụ sản phẩm khó khăn, thậm chí có nhiều sản phẩm cung vượt quá cầu, hàng tồn kho lớn. Năng lực cạnh tranh hàng hoá, dịch vụ của nước ta nói chung còn thấp do trang thiết bị công nghệ của nhiều doanh nghiệp còn yếu kém, lạc hậu so với thế giới từ 10 đến 30 năm, cộng thêm những yếu kém về quản lý, môi trường đầu tư kinh doanh (thủ tục hành chính chưa thông thoáng, chính phủ đầu tư quá cao so với các nước trong khu vực), hạn chế về cung cấp thông tin xúc tiến thương mại.

Hai là, hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp nhà nước chưa cao.

Thực tế cho thấy tỉ lệ số doanh nghiệp kinh doanh thua lỗ liên tục còn nhiều. Chi phí sản xuất của các doanh nghiệp còn lớn đang làm giảm sức cạnh tranh của các sản phẩm của doanh nghiệp. Các doanh nghiệp chỉ có thể giảm chi phí đầu vào bằng cách đầu tư công nghệ mới, thay đổi phương thức quản lý triệt để tiết kiệm. Song họ không thể ngăn chặn được sự gia tăng của chi phí đầu vào do sự leo thang giá cả của không ít loại vật tư, nguyên liệu, điện nước, cước phí giao thông, viễn thông. Nhất là cước phí của các ngành có tính độc quyền. Chẳng hạn như giá truy cập internet trực tiếp có mức cước cao hơn các nước trong khu vực là 139%...Thêm vào đó hầu hết các sản phẩm của ta dù để xuất khẩu hay tiêu dùng đều phải nhập

ngoại nguyên, phụ liệu nên chi phí đầu vào cao. Đã vậy hàng nhập khẩu ngoài việc phải chịu thuế nhập khẩu còn phải chịu thuế VAT dù chưa có giá trị tăng thêm. Trong khi đó thời gian hoàn thuế giá trị gia tăng lại chậm, do vậy làm khó khăn cho doanh nghiệp về vòng quay vốn, chịu lãi suất ngân hàng. Ngoài ra các doanh nghiệp còn phải chịu chi phí do sự sách nhiễu của một số cán bộ nhà nước thoái hoá biến chất. Hơn nữa sự rườm rà về thủ tục hành chính, thanh kiểm tra chồng chéo cũng làm tăng chi phí đầu vào của các doanh nghiệp. Do chi phí đầu vào cao nên giá thành sản phẩm quá cao so với khu vực và thế giới, dẫn đến ứ đọng, khó tiêu thụ, năng lực sản xuất không khai thác hết làm cho nhiều doanh nghiệp thua lỗ.

Ba là vấn đề về môi trường kinh doanh đầu tư

Môi trường kinh doanh đầu tư ở Việt Nam mặc dù đang được cải tiến song nhìn chung còn chưa thuận lợi, còn nhiều khó khăn: khuôn khổ pháp lý chưa đảm bảo cho cạnh tranh bình đẳng giữa các thành phần kinh tế, sự độc quyền trong một số lĩnh vực của một số tổng công ti nhà nước, hệ thống tài chính ngân hàng còn yếu kém, sự thiếu minh bạch về cơ chế chính sách, chế độ thương mại còn nặng về bảo hộ, thủ tục hành chính còn rườm rà, chưa thông thoáng. Các thể chế thị trường như thị trường vốn, sức lao động, thị trường công nghệ, thị trường bất động sản...còn sơ khai, chưa hình thành đồng bộ.

Nguồn nhân lực Việt Nam dồi dào nhưng tay nghề kém, lợi thế về lao động rẻ có xu hướng đang mất dần:

Trước mắt, do giá nhân công còn rẻ và đang có thị trường rộng lớn nên ngành may mặc và giày da là hai ngành có lợi thế cạnh tranh cao nhất trong nhóm năm sản phẩm công nghiệp có khả năng cạnh tranh. Tuy nhiên lợi thế về nhân công rẻ đang mất dần và giá nhân công các ngành này hiện đang cao hơn một số nước trong khu vực. Hơn thế nữa, để đào tạo nghề, nâng cao kỹ năng, trình độ tay nghề

cần phải chi phí đầu tư lớn, điều này sẽ làm cho giá thành sản phẩm tăng lên, ảnh hưởng đến sức cạnh tranh của hàng hoá.

Bên cạnh đó còn có những ảnh hưởng tiêu cực như sau:

- Việt Nam trở thành thị trường tiêu thụ hàng nước ngoài
- Bảo hộ của các nước nhập khẩu

Cần có chính sách bảo hộ hỗ trợ các nhà sản xuất trong nước khi hội nhập kinh tế thế giới, không thể để cho người sản xuất kinh doanh tự bơi trước sự bảo hộ của chính phủ các nước. Cần dành một phần ngân sách đầu tư cho xây dựng cơ sở hạ tầng, đảm bảo chi phí đầu vào thấp và có lãi cho người sản xuất, hỗ trợ các cơ sở sản xuất doanh nghiệp tiếp cận với nguồn vốn vay tín dụng, hỗ trợ tiếp cận thị trường (cung cấp thông tin về thị trường, giá cả, nhu cầu khách hàng cho người sản xuất), hỗ trợ giảm các chi phí hạ tầng như dịch vụ cảng, bưu điện, miễn giảm thuế và chống bán phá để bảo vệ hàng sản xuất trong nước

- Việt Nam trở thành bãi thải công nghệ

Xu thế toàn cầu hóa, khu vực hóa theo chiều hướng là các nước công nghiệp phát triển sẽ chiếm giữ quyền độc tôn sản xuất và làm chủ các sản phẩm công nghệ kỹ thuật cao, các nước đang phát triển sẽ chịu lép vế, sản xuất các mặt hàng chiếm nhiều lao động, giá trị thấp, tốn nhiều nguyên liệu hơn. Các nước công nghiệp phát triển sẽ tìm cách chuyển giao toàn bộ những công nghệ cũ, lạc hậu, gây ô nhiễm sang các nước đang phát triển, những công nghệ này phù hợp với tiềm năng kinh tế và nhân lực của các nước đang phát triển. Mặt khác, do giá trị tiền công cao và ô nhiễm nên một số sản phẩm và công nghệ không cần giữ bí mật, tốn nhiều lao động và ô nhiễm môi trường.. được chuyển giao cho các nước có giá lao động rẻ hơn, đó

là việc mà Hàn Quốc, Nhật, Mỹ, Đức... đang làm với các nước Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam.

Thực tiễn trong khu vực thu hút đầu tư FDI của nhiều nước trên thế giới cho thấy các nhà đầu tư nước ngoài chỉ chuyển sang nước nhận đầu tư các máy móc thiết bị và công nghệ thế hệ thứ hai và thứ ba. Việt Nam cũng như nhiều nước đang phát triển, đang lo ngại bị biến thành bãi thải công nghệ cho các nước phát triển, đặc biệt là những thiết bị đã qua sử dụng.

- Chảy máu chất xám

Việt Nam thiếu trầm trọng nguồn lao động chuyên môn kỹ thuật, tỷ lệ người có chuyên môn kỹ thuật trong tổng dân số từ 15 tuổi trở rất thấp (ở các nước trong khu vực). Đây là một tồn tại và thách thức lớn đối với nước ta.

Việt Nam đã không khai thác được nguồn chất xám đó do cơ chế chính sách còn nhiều điều bất cập (lương, điều kiện làm việc, đòi hỏi khoa học đáp ứng ngay yêu cầu của thực tiễn, nhà khoa học bị cơ chế hành chính trói buộc, thủ tục thanh quyết toán...). Các công ty nước ngoài tại Việt Nam đã đa dạng hóa phương thức thu hút nhân tài: trao học bổng hỗ trợ sinh viên năm cuối, đào tạo nghề miễn phí, tuyển chọn các sinh viên giỏi gửi đi đào tạo thêm ở nước ngoài.

Cán bộ khoa học kỹ thuật chạy từ cơ quan nhà nước sang các cơ quan nước ngoài, các sinh viên tốt nghiệp giỏi là nguồn tuyển dụng của các công ty nước ngoài, trí thức Việt kiều không về nước làm việc, học sinh đi học nước ngoài học xong ở lại nước sở tại làm việc không về nước. Hiện tượng chảy máu chất xám là rõ ràng.

Nhà nước cần điều chỉnh chính sách theo hướng tạo những điều kiện làm việc thuận lợi cho các nhà khoa học, tạo chỗ ở cho gia đình, học tập cho con cái và

chăm sóc y tế, phương tiện đi lại làm việc nghĩa là cần có một chính sách xã hội tiên bộ (như một số nước châu Âu và Bắc Âu) và có chế độ lương tương xứng, bên cạnh đó cần có những biện pháp chống tham nhũng, chống làm giàu từ đất đai và buôn lậu.

- Tỷ lệ đói nghèo cao, chênh lệch thu nhập tăng

Tỷ lệ hộ nghèo tại VN đã giảm tổng số hộ nghèo cả nước là trên 3,05 triệu hộ nghèo, hộ cận nghèo là trên 1,6 triệu. Tỷ lệ hộ nghèo của Việt Nam đã giảm từ 22% năm 2005 xuống còn 9,45% năm 2010. Liên Hợp Quốc xếp các nước có GDP đầu người trước đây thấp hơn 500 USD/người/năm và hiện nay thấp hơn 750 USD/người /năm là nước nghèo (Việt Nam chưa đến 500 USD/người). So với chuẩn nghèo Liên Hợp Quốc quy định, thì tỷ lệ đói nghèo của ta còn cao và việc xóa nghèo còn phải tiếp tục.

Khoảng cách giàu nghèo đang có xu hướng gia tăng. Thách thức hiện nay nằm trong quá trình phân phối lợi ích của sự tăng trưởng cho tất cả các vùng và tất cả các nhóm dân cư, tích cực thực hiện chính sách an sinh xã hội và công bằng xã hội ở Việt Nam.

- Nợ nước ngoài ngày càng tăng

Theo Cục Quản lý nợ và Tài chính (Bộ Tài chính), trong giai đoạn từ 2006-2010, nợ nước ngoài so với GDP của Việt Nam đã tăng từ 31,4% lên 42,2%. Cùng thời gian này, nợ công cũng liên tục tăng, đến cuối năm 2010 lên đến 57,3% GDP, theo cách tính của Việt Nam. Các chuyên gia kinh tế quốc tế có nhiều lời khuyên VN không vì được vay với lãi suất thấp mà vay tràn lan không tính hiệu quả sẽ trở thành nước nợ nần khó có khả năng thanh toán. Để nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững cần phải tăng cường tiết kiệm, tăng tỷ lệ tích lũy nội bộ từ GDP, phát huy năng lực nội sinh.

- Môi trường ngày càng bị ô nhiễm

Môi trường đang ngày càng xấu đi như thoái hóa môi trường đất, do lạm dụng phân bón, thuốc trừ sâu, phát triển giống lúa cao sản làm cho đất bạc màu nhanh, xói mòn tài nguyên đất, làm giảm độ phì đất, môi trường nước bị ô nhiễm do công nghiệp và sử dụng phân bón hóa chất trong nông nghiệp gây ra, sự tàn phá rừng tự nhiên, xuống cấp chất lượng rừng, trong đó do sử dụng phát triển thủy sản, bão, lụt, lũ, hạn hán, cháy rừng xảy ra nghiêm trọng. Sâu bệnh ngày càng phát triển theo chiều hướng khó kiểm soát. Sự phát triển lương thực thực phẩm còn thiếu bền vững. Ngoài ra một số doanh nghiệp VN lấy danh nghĩa nhập phế liệu để về tận dụng tái chế, thực chất nhập rác do phế liệu có lẫn tạp chất khó có thể loại bỏ trong quá trình xử lý từ các nước phát triển, chủ yếu từ Mỹ với giá rẻ. Điều đó biến môi trường sống VN thành bãi rác của các nước phát triển

CHƯƠNG 4

MỘT SỐ GIẢI PHÁP TẠO RA NHỮNG ĐIỀU KIỆN ĐỂ HỘI NHẬP VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ HIỆU QUẢ

Trên cơ sở dự báo sự phát triển của tình hình, xuất phát từ thực tiễn đất nước cần có và tạo ra những điều kiện cơ bản để tiến hành hội nhập có hiệu quả.

4.1. Giữ vững môi trường hoà bình, chính trị - xã hội ổn định

Đây là điều kiện cơ bản, tiên quyết nhất cho hội nhập kinh tế thế giới và khu vực của nước ta thành công. Nghị quyết Đại hội IX Đảng cộng sản Việt Nam nhận định: Trong vài thập kỷ tới, ít có khả năng xảy ra chiến tranh thế giới. Nhưng chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột dân tộc, tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp lật đổ, khủng bố¹⁵ còn xảy ra ở nhiều nơi với tính chất phức tạp ngày càng tăng. Hoà bình, hợp tác và phát triển là xu thế lớn, phản ánh đòi hỏi bức xúc của các quốc gia, dân tộc... Toàn cầu hoá kinh tế là một xu thế khách quan, lôi cuốn ngày càng nhiều nước tham gia; xu thế này đang bị một số nước phát triển và các tập đoàn kinh tế tư bản xuyên quốc gia chi phối, chứa đựng nhiều mâu thuẫn, vừa có mặt tích cực, vừa có mặt tiêu cực, vừa có hợp tác vừa có đấu tranh.

Thực tế chính trị kinh tế trên thế giới những năm đầu thế kỷ 21 cho thấy nhận định của Đại hội IX là đúng đắn. Mặc dù chủ nghĩa cường quyền, các thế lực đế quốc hiếu chiến gây chiến tranh ở nhiều nơi; xung đột vũ trang, khủng bố bạo loạn lật đổ... xảy ra ở nhiều nước, nhiều vùng nhưng hoà bình, hợp tác và phát triển vẫn là yêu cầu, đòi hỏi bức xúc của nhiều quốc gia, dân tộc. Đối với nước ta, từ giữa thế kỷ 20 đã phải trải qua nhiều cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ đất nước thì việc giữ gìn hoà bình lâu dài và bền vững để phát triển kinh tế, mới có điều kiện để hội nhập kinh tế thế giới và khu vực. Do có hoà bình và thực hiện đổi

mới, nền kinh tế nước ta đã có bước phát triển với tốc độ tăng trưởng hơn 7,5% năm trong các năm 1990-2000. Nếu trước 1990 hàng hoá khan hiếm, khủng hoảng kinh tế- xã hội kéo dài thì hiện nay đã có nhiều hàng hoá “thừa”, phải xuất khẩu mới tiêu thụ được và thúc đẩy sản xuất trong nước.

Cùng với điều kiện đất nước hoà bình, chính trị xã hội ổn định là điều kiện rất cơ bản để phát triển kinh tế trong nước, tạo môi trường thuận lợi thu hút đầu tư nước ngoài. Trong sự phát triển của xã hội, các mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân, mâu thuẫn giữa các dân tộc, các vùng, giữa hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân là một thực tế không thể phủ nhận. Việc giải quyết, xử lý những loại mâu thuẫn này không khéo, không triệt để dễ dẫn đến những xung đột, gây mất ổn định chính trị, trật tự xã hội. Trong bối cảnh chính trị quốc tế và khu vực diễn biến hết sức phức tạp, các thế lực thù địch cách mạng Việt Nam vẫn tìm cách kích động, gây bạo loạn lật đổ ở những vùng mà chúng ta sơ hở, yếu kém, nếu chúng ta không xử lý đúng đắn sẽ dễ gây ra những xung đột chính trị, xã hội làm đất nước rối loạn, không chỉ đe doạ mất chính quyền mà còn là vấn đề an nguy của chế độ. Khi chính trị, xã hội rối ren, kinh tế trong nước bị ảnh hưởng, mất khả năng cạnh tranh thì không thể hội nhập thành công. Do đó, hội nhập kinh tế thế giới phải bảo đảm giữ vững độc lập chủ quyền quốc gia, định hướng xã hội chủ nghĩa.

4.2. Đổi mới và nâng cao nhận thức toàn diện về hội nhập kinh tế và WTO

Chủ động hội nhập kinh tế thế giới và khu vực cần được hiểu đầy đủ, toàn diện và sâu sắc trong điều kiện kinh tế Việt Nam còn là nước nghèo, chậm phát triển đang trong quá trình chuyển đổi cơ chế quản lý từ hành chính bao cấp sang kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Gia nhập các tổ chức kinh tế đa phương, tham gia vào sự phân công lao động quốc tế, gắn kết nền kinh tế nội địa với các nước trong khu vực và thế giới là một quá trình vừa hợp tác, vừa đấu tranh và phải thực hiện những quy định chung của các tổ chức kinh tế thế giới và luật

định của các nước, luật pháp quốc tế. Trong quá trình hội nhập phải chấp nhận cạnh tranh quốc tế ngày càng gay gắt. Nhận thức về cạnh tranh quốc tế hiện nay của các cấp, các ngành, của các doanh nghiệp, thậm trí cả ở một số cơ quan quản lý về hội nhập quốc tế còn chưa toàn diện và đầy đủ. Tuyên truyền, giáo dục, phổ biến về hội nhập kinh tế thế giới mới chỉ là bước đầu, chưa đều khắp và chưa kịp thời. Do đó, nhận thức xã hội về Hiệp định thương mại Việt Mỹ, về Tổ chức thương mại thế giới, về các tổ chức tài chính, Ngân hàng thế giới còn sơ lược. Những yêu cầu của mở cửa thị trường về thuế, các biện pháp phi thuế trong thương mại hàng hoá, dịch vụ và đầu tư... do chưa nhận thức kịp thời, đầy đủ nên dễ chậm trễ, mất cơ hội góp phần làm cho đầu tư nước ngoài vào Việt Nam giảm thiểu, hàng hoá của ta xuất khẩu bị thua thiệt, giảm giá trị.

Từ khi chúng ta tiến hành đổi mới đã có nhiều cách hiểu khác nhau về hội nhập kinh tế quốc tế. Qua thực tế của quá trình hội nhập, kể từ khi Việt Nam tham gia Khu vực Mậu dịch Tự do ASEAN và ký kết Hiệp định Thương mại song phương với Hoa Kỳ (BTA) và các hiệp định đa phương với các tổ chức khu vực ASEM, APEC, GMS, cũng như đàm phán để gia nhập WTO, chúng ta nhận thức ngày càng rõ hơn, hội nhập kinh tế quốc tế là một quá trình gắn kết nền kinh tế Việt Nam với nền kinh tế toàn cầu. Sự gắn kết này thể hiện ở mức lưu chuyển hàng hóa và các yếu tố cấu thành lực lượng sản xuất, từ nhân lực, khoa học công nghệ đến phương tiện sản xuất, tiêu dùng. Nền kinh tế Việt Nam khi hội nhập trở thành một bộ phận của nền kinh tế toàn cầu. Điều đó cũng có nghĩa là cùng với mở cửa thị trường nội địa thì đồng thời phải xâm nhập sâu rộng thị trường thế giới. Nói một cách hình ảnh, khi chưa mở cửa thị trường thì ta “một mình một chợ”, còn khi hội nhập thì ta đi vào “chợ quốc tế”. Nếu biết phát huy các lợi thế so sánh thì hàng hóa của ta bán ra có lãi, góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển, tăng trưởng kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân. Ngược lại, không biết tận dụng thời cơ để vượt qua những

rào cản, thách thức thì phải gánh chịu thua thiệt, phụ thuộc kinh tế, phát triển chậm, khó thoát khỏi cảnh nghèo.

Tham gia WTO chúng ta có điều kiện hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế khu vực và thế giới để phát triển kinh tế, đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước. Vấn đề có ý nghĩa hàng đầu là thống nhất nhận thức của toàn xã hội. Rằng, hội nhập là xu thế khách quan, Việt Nam muốn sớm thoát khỏi nước nghèo thì phải biết kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện lịch sử mới, chủ động, tích cực hội nhập như Đại hội X của Đảng đã chỉ ra là “phát huy vai trò chủ thể và tính năng động của doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trong hội nhập kinh tế quốc tế”. Muốn chủ động, tích cực hội nhập, khi gia nhập WTO thì việc đầu tiên cần làm là nắm vững “luật chơi”, đó là những nội dung cơ bản, các quy định cơ bản của WTO, những cam kết về mở cửa thị trường, tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa, nhất là về giảm thuế, dỡ bỏ hàng rào phi quan thuế, quy tắc ứng xử, luật pháp Việt Nam và luật pháp quốc tế... Cũng cần thấy những tác động, ảnh hưởng tích cực và cả những ảnh hưởng, tác động xấu của quá trình hội nhập đối với kinh tế, xã hội, chính trị, văn hóa.

4.3. Đổi mới và nâng cao nhận thức về hội nhập kinh tế quốc tế là một quá trình gắn liền với thực tiễn tiến hành hội nhập.

Xuất phát từ đặc điểm của nền kinh tế đang chuyển đổi cần quan tâm nâng cao nhận thức về:

- Sản xuất ra hàng hoá là để bán, xuất khẩu ra thị trường quốc tế và khu vực.
- Cạnh tranh tổng thể quốc gia, lợi ích quốc gia là quan trọng trong hội nhập.
- Các doanh nghiệp (nhà nước, các thành phần kinh tế) tăng cường tìm hiểu nghiên cứu thị trường quốc tế, khu vực, về các định chế, quy tắc, nguyên tắc, thị hiếu, tập quán, các yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng hàng hoá.

- Các cơ quan thông tin đại chúng phối hợp các cơ quan hữu quan về hội nhập trao đổi thông tin, phổ biến, quán triệt đến các tầng lớp cán bộ, nhân dân, các doanh nghiệp, các thành phần kinh tế.
- Đưa nội dung hội nhập vào chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, sinh viên các học viện, nhà trường.
- Có ý thức giữ gìn, nâng cao, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc trong hội nhập, mở cửa.
- củng cố, xây dựng bồi dưỡng tình cảm quốc tế XHCN trong hội nhập mở cửa và nâng cao ý thức chống “diễn biến hoà bình”, “xâm lăng kinh tế”.

4.4. Phát triển kinh tế nhanh và bền vững

Về kinh tế, Việt Nam là nước đang phát triển, thuộc diện nước nghèo, thu nhập bình quân đầu người chưa vượt quá 700 USD/ năm. Dân số thuộc loại nước đông dân nhưng sức mua và năng lực tích lũy cho tái đầu tư mở rộng sản xuất rất hạn chế. Trong khi đó, sức cạnh tranh của nền kinh tế kể cả ở thị trường nội địa còn yếu. Lực lượng sản xuất, nhất là trình độ kỹ thuật và công nghệ còn yếu kém. Năng lực và kinh nghiệm quản lý còn ở trình độ thấp, yếu kém lại tồn tại dai dẳng, tâm lý ỷ lại, trông chờ bao cấp, bảo hộ của nhà nước (không chỉ các doanh nghiệp nhà nước mà cả nông dân, các thành phần kinh tế). Trong xu thế toàn cầu hóa thì cả thế giới là một thị trường, Việt Nam phải gắn kết thị trường nội địa với thị trường thế giới, phát triển kinh tế thị trường. Do vậy, việc mở cửa thị trường để các doanh nghiệp nước ngoài vào làm ăn tạo sức ép cạnh tranh rất lớn đối với các doanh nghiệp và sản xuất hàng hóa trong nước. Đồng thời cũng tạo những điều kiện mới cho các doanh nghiệp trong nước phát triển, điều chỉnh cơ cấu sản xuất kinh doanh.

Nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, trước hết phải nói đến là các doanh nghiệp. Phần lớn các doanh nghiệp của Việt Nam là nhỏ và vừa, (cuối năm 2006 số lượng doanh nghiệp nhà nước chỉ chiếm 3,61% số doanh nghiệp cả nước)

trong điều kiện nền kinh tế ở trình độ phát triển thấp lại đang trong quá trình chuyển đổi cho nên năng lực cạnh tranh yếu kém. Đây là thách thức lớn nhất mà các doanh nghiệp trong nước cần có sự hỗ trợ của nhà nước về cơ chế, chính sách để nâng cao sức cạnh tranh, củng cố vị thế doanh nghiệp ở thị trường nội địa. Trước tiên là chú trọng xây dựng, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường cùng các thiết chế thực hiện phù hợp với những quy định của WTO, công khai lộ trình hội nhập, nhất là lộ trình về thuế, các cam kết của Việt Nam khi gia nhập WTO. Việc cải cách hành chính cần có bước đột phá, tạo ra những chuyển biến thật sự trong hệ thống chính trị, đặc biệt là các cơ quan công quyền, không chỉ giảm thiểu phiền hà mà là phục vụ nhanh, hiệu quả các doanh nghiệp phát triển. Nhà nước xây dựng, ban hành các chính sách lớn tạo điều kiện hội nhập ở tầm cao và chiều sâu. Chẳng hạn chính sách phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao. Hoặc chuyển quyền quản lý, điều hành các doanh nghiệp cho các hiệp hội ngành hàng, xây dựng các mối liên kết giữa các doanh nghiệp, hỗ trợ thông tin, tạo điều kiện cho nhau cùng phát triển.

Xuất phát từ nhu cầu thị trường và các ngành, các lĩnh vực ưu tiên phát triển, các doanh nghiệp cần có chiến lược phát triển trên cơ sở tự xác định lợi thế và khó khăn của mình mà tổ chức lại sản xuất kinh doanh, đổi mới công nghệ, nâng cao trình độ quản trị, nâng cao năng suất lao động, chất lượng hàng hóa, xây dựng thương hiệu và giữ chữ tín trong quan hệ kinh doanh với khách hàng. Các doanh nghiệp cần nắm lấy thời cơ hội nhập mới mà phát triển như tìm cách tiếp cận các đối tác và thị trường quốc tế, hợp tác chặt chẽ với nhau, chia sẻ kinh nghiệm, vốn, hỗ trợ thông tin để phát huy lợi thế cạnh tranh.

Trong tiến trình đổi mới, chúng ta đã tập trung phát triển kinh tế hướng mạnh sang xuất khẩu. Kết quả thu được rất to lớn, góp phần quan trọng vào tốc độ tăng trưởng cao của nền kinh tế hơn mười năm qua. Để hội nhập sâu, rộng hơn sau khi

gia nhập WTO, chúng ta cần nắm bắt cơ hội tiếp cận thị trường quốc tế về hàng hóa và dịch vụ. Theo đó cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao hiệu quả đầu tư, tập trung mọi nguồn lực phát triển các ngành kinh tế có lợi thế cạnh tranh để hướng vào xuất khẩu như chế biến nông lâm thủy sản, dệt may, giày da (sử dụng nhiều lao động)..., khuyến khích các mặt hàng có hàm lượng công nghệ, chất xám cao như điện tử, tin học và chế biến thực phẩm, dược phẩm, sớm khắc phục những hạn chế của cơ cấu kinh tế đang trong quá trình chuyển dịch, các nguồn lực phân tán, chưa được sử dụng có hiệu quả, còn nhiều thất thoát, lãng phí, cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội còn yếu kém.

Trong những thập niên đầu của thế kỷ 21, để hội nhập thành công, Việt Nam phải vươn lên thoát khỏi một nước nghèo, kinh tế nội địa tăng trưởng nhanh và bền vững mới tạo ra điều kiện tham gia toàn cầu hoá mà không bị thua thiệt. Cùng với đẩy nhanh công nghiệp hoá nông nghiệp, nông thôn, thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, hiệu quả cần đẩy nhanh tốc độ cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước. Đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho kinh tế tư nhân phát triển để phát huy khả năng cạnh tranh cho hàng hoá Việt Nam ở thị trường nội địa và khu vực về chất lượng và chủng loại hàng hoá. Ưu thế của kinh tế tư nhân (doanh nghiệp tư nhân) là không bị ràng buộc bởi các thủ tục hành chính rườm rà, năng động trong điều chỉnh mẫu mã, quy cách sản phẩm, nắm bắt nhanh chóng những cơ hội kinh doanh, linh hoạt mềm dẻo trong giá cả nên có điều kiện sản xuất, tiêu thụ hàng hoá ở thị trường nội địa và thị trường khu vực, thị trường quốc tế, kể cả các thị trường mới, thị trường lớn.

Hiện nay, Việt Nam có số dân hơn 85 triệu người, trong vài thập kỷ tới con số sẽ là hơn một trăm triệu dân. Đây là nguồn lực quan trọng nhất để phát triển đất nước. Nguồn lực con người Việt Nam cần được khai thác, phát huy để đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, bền vững, hiệu quả. Việc phát triển nguồn nhân lực đáp

ứng yêu cầu sự nghiệp đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước cũng tạo ra điều kiện cho hội nhập thắng lợi. Xét trên phương diện lưu chuyển người lao động trên toàn cầu, với nguồn nhân lực được đào tạo, nhân lực của nước ta có khả năng tham gia trực tiếp vào các quá trình phân công lao động quốc tế ngày càng nhiều về số lượng và cao về chất lượng.

Xây dựng hệ thống chính sách đồng bộ, phù hợp các nguyên tắc của các tổ chức kinh tế quốc tế

Trong quá trình đổi mới, hệ thống chính sách của Nhà nước ta đã có thay đổi rất cơ bản phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế, góp phần tăng trưởng kinh tế và hội nhập, mở cửa thị trường. Song trên thực tế hệ thống chính sách kinh tế của nước ta chưa đồng bộ, chưa phù hợp với những nguyên tắc của các tổ chức kinh tế quốc tế và khu vực. Đặc biệt là hệ thống chính sách thuế quan và phi thuế quan, chính sách thương mại, xuất nhập khẩu. Tuy chiến lược phát triển kinh tế- xã hội 10 năm 2000-2010 đã được thông qua tại Đại hội IX và X của Đảng nhưng việc cụ thể hoá thành các chính sách còn chậm. Nhiều chính sách ban hành mang tính tình thế, chắp vá. Yêu cầu xây dựng một lộ trình cụ thể với những chính sách phù hợp hiện là yêu cầu bức xúc. Một số chính sách hiện nay không còn phù hợp với thực tiễn phát triển kinh tế của đất nước và các nguyên tắc, quy định của các tổ chức kinh tế khu vực và thế giới nhưng ta đã không điều chỉnh kịp thời gây cản trở, khó khăn, lúng túng cho các giới doanh nghiệp trong và ngoài nước. Chưa kể đến có những chính sách ban hành nhưng các quy định lại không chi tiết tạo ra sơ hở hoặc việc thực hiện tùy tiện, không thống nhất (chính sách đất đai, chính sách giá, chính sách xuất khẩu lao động...). Đổi mới chính sách kinh tế một cách đồng bộ và toàn diện phục vụ mục tiêu tăng trưởng kinh tế, phù hợp nguyên tắc, quy chế của các tổ chức kinh tế khu vực và quốc tế tạo điều kiện thuận lợi để hội nhập kinh tế hiệu quả là yêu cầu bức thiết hiện nay.

4.5. Hoàn thiện hệ thống pháp luật, tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho hội nhập, mở cửa thị trường

Việt Nam gặp một rào cản lớn về luật pháp do hệ thống luật pháp nước ta còn nhiều khác biệt so với những định chế của các tổ chức kinh tế, các quốc gia nói trên. Bên cạnh đó, còn có những chính sách, quy chế không chỉ không phù hợp mà còn vi phạm với những định chế của các tổ chức, quốc gia này về xuất nhập khẩu hàng hoá, buôn bán thương mại (rào cản kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng, tiêu chuẩn vệ sinh thực phẩm, tiêu chuẩn an toàn cho người sử dụng, tiêu chuẩn lao động...). Tham gia toàn cầu hoá, tiến hành hội nhập, chúng ta phải chấp nhận hệ thống luật pháp, các định chế của các tổ chức kinh tế thế giới và các quốc gia mà ta ký hiệp định thương mại song phương. Đó chính là những luật chơi chung được thể hiện trong những điều ước quốc tế rất phức tạp. Đây cũng là một thách thức lớn đối với Việt Nam vì nước ta đang thực hiện chuyển đổi nền kinh tế sang cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Yêu cầu đặt ra đối với Việt Nam trong quá trình chủ động hội nhập kinh tế thế giới và khu vực phải từng bước hoàn thiện hệ thống luật pháp (trước mắt cần hoàn thiện bộ luật đầu tư và luật cạnh tranh); điều chỉnh, bổ sung, xây dựng mới những chính sách kinh tế, cơ chế quản lý kinh tế của nhà nước (đối với lĩnh vực hội nhập) để phù hợp với hệ thống luật pháp, các định chế của các tổ chức quốc tế, các quốc gia ta ký hiệp định thương mại song phương; tạo môi trường pháp lý vững chắc, thông thoáng, thuận lợi cho các đơn vị, ngành kinh tế tham gia hội nhập; đồng thời bảo đảm giữ vững định hướng phát triển của đất nước, giữ gìn và phát huy, nâng cao bản sắc văn hoá dân tộc Việt Nam trong hội nhập.

4.6. Xây dựng, phát triển hệ thống giao thông, cơ sở hạ tầng kinh tế, kỹ thuật đồng bộ, tiên tiến

Một tiêu chí quan trọng đánh giá trình độ phát triển của toàn cầu hoá kinh tế và hội nhập kinh tế thế giới của một quốc gia, vùng lãnh thổ là mức độ lưu chuyển của các yếu tố sản xuất bao gồm tài nguyên, sức lao động, kỹ thuật, hàng hoá và tiền vốn giữa các quốc gia, vùng lãnh thổ và trên toàn thế giới. Phương tiện, điều kiện thực hiện sự luân chuyển này là giao thông, cơ sở hạ tầng kinh tế, kỹ thuật...

Việt Nam là nước đang phát triển, tiến hành hội nhập kinh tế thế giới và khu vực trong bối cảnh vừa thoát khỏi các cuộc chiến tranh ác liệt và lâu dài, do đó hệ thống giao thông, cơ sở hạ tầng kinh tế, kỹ thuật rất yếu kém. Trong khi thu nhập quốc dân còn thấp, điều kiện đầu tư cho tái sản xuất và tích lũy từ nội bộ nền kinh tế còn ít thì yêu cầu xây dựng, phát triển hệ thống giao thông, cơ sở hạ tầng kinh tế, kỹ thuật lại rất lớn để đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất, cải thiện đời sống nhân dân và thực hiện hội nhập, mở cửa thị trường, tiếp nhận đầu tư và lưu chuyển các yếu tố sản xuất trong nước, khu vực và thế giới.

Như vậy, để giải quyết mâu thuẫn này tạo điều kiện cho hội nhập kinh tế thế giới và khu vực, trong thời gian đầu cần tập trung đầu tư cho kết cấu hạ tầng kinh tế, kỹ thuật, trong đó hệ thống giao thông cần được ưu tiên xây dựng, phát triển cùng với hệ thống năng lượng và mạng lưới thông tin.

4.7. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, trọng dụng nhân tài

Nguồn lực con người là yếu tố quyết định nhất để thực hiện hội nhập kinh tế thế giới và khu vực. Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn lực con người gồm thể lực, trí tuệ và nhân cách. Tuy nước ta được xếp vào hàng quốc gia có trình độ học vấn cao nhưng lại thiếu những nhà quản lý giỏi, những nhà doanh nghiệp, thương nhân có tài và những người lao động tinh thông công việc. So với những nước phát triển một số nước trong khu vực thì nguồn nhân lực của nước ta còn ở trình độ thấp kém. Theo số liệu điều tra của Tổng cục thống kê, nước ta hiện có

hơn 50 triệu người từ 15 tuổi trở lên nhưng tỷ lệ qua đào tạo nghề nghiệp và chuyên môn kỹ thuật rất thấp. Số người độ tuổi từ 13 trở lên chỉ có gần 8% được đào tạo, trong đó 2,3% là công nhân kỹ thuật và nhân viên nghiệp vụ; 2,8% có trình độ trung học chuyên nghiệp; 0,7% cao đẳng và 1,7% đại học, 0,1% có trình độ trên đại học (kể cả giáo viên và thầy thuốc là hai ngành tỷ lệ qua đào tạo cao nhất). Cơ cấu đào tạo lại bất hợp lý: Đại học và trên đại học là 1; Trung học chuyên nghiệp là 1,13 và công nhân kỹ thuật là 0,92 (thế giới là 1- 4- 10). Do đó, tình trạng thừa thầy, thiếu thợ trong nền kinh tế ngày càng trầm trọng. Sinh viên ra trường không có việc làm ngày càng nhiều, song các khu công nghiệp, các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài lại không tuyển chọn đủ được công nhân kỹ thuật và thợ có tay nghề, chuyên gia và các nhà quản lý tài năng.

Thời kỳ từ 2000 đến 2020 kinh tế nước ta trong giai đoạn đẩy mạnh CNH, HĐH trong xu thế toàn cầu hoá kinh tế, khoa học công nghệ phát triển, kinh tế tri thức ngày càng có vai trò to lớn. Yêu cầu về nguồn nhân lực được đào tạo có chất lượng ngày càng cao là rất bức thiết vì chất lượng lao động là yếu tố quan trọng hàng đầu mà các doanh nghiệp quan tâm chứ không phải số lượng lao động tập trung khai thác trước đây.

Để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và nước ta có thể chủ động hội nhập kinh tế thế giới và khu vực có hiệu quả chỉ có giải pháp vừa cơ bản, vừa cấp bách là phát triển, đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo một cách toàn diện, gắn kết giáo dục và đào tạo với nghiên cứu khoa học, công nghệ và bám sát, thậm trí đi trước một bước yêu cầu phát triển kinh tế đất nước. Trong đó chú trọng hai lĩnh vực là mở rộng đào tạo công nhân, kỹ thuật viên, nhân viên nghiệp vụ và đào tạo đại học, trên đại học. Đổi mới phương pháp dạy và học, phát huy tư duy sáng tạo và năng lực tự đào tạo của người học. Đổi mới chương trình đào tạo đại học, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề thiết thực, hiện đại. Cần quan tâm việc trang bị kiến

thức tin học, ngoại ngữ cho học sinh, sinh viên vì đó là những công cụ để có thể tiếp cận nhanh với xã hội, thế giới, tham gia vào quá trình hội nhập kinh tế một cách nhanh chóng và hiệu quả. Đi vào kinh tế tri thức, hội nhập, tham gia toàn cầu hoá kinh tế, trong vài ba thập kỷ đầu của thế kỷ 21, Việt Nam phải xây dựng một chiến lược tổng thể quốc gia và chương trình hành động cụ thể về đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo. Trên cơ sở nâng cao dân trí mà phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước, tiến hành hội nhập kinh tế thế giới. Đặc biệt cần có những cơ chế, chính sách để thu hút và sử dụng nhân tài người Việt và nhân tài quốc tế.

4.8. Đẩy mạnh cải cách hành chính lĩnh vực kinh tế hội nhập

Quan liêu, cửa quyền, tham nhũng, thiếu trách nhiệm, vụ lợi, kém ý thức kỷ luật, yếu về năng lực, kiến thức của hệ thống hành chính từ Trung ương đến địa phương là những cản trở rất lớn đối với tiến trình hội nhập kinh tế của nước ta với khu vực và thế giới. Do đó, đẩy mạnh cải cách hành chính lĩnh vực kinh tế hội nhập phải đặt ra thường xuyên và làm thường xuyên, không chỉ phải có quyết tâm mà điều quan trọng là xây dựng bộ máy cơ chế vận hành, đội ngũ cán bộ, công chức. Trong lĩnh vực quản lý kinh tế hội nhập cần quy định rõ ràng, minh bạch các thủ tục hành chính. Đặc biệt là trách nhiệm cụ thể của cơ quan quản lý, trách nhiệm cá nhân của cán bộ công chức ở mọi cấp, mọi ngành, mọi khâu. Đơn giản hoá các thủ tục hành chính tạo điều kiện dễ dàng, thuận lợi cho kinh tế hội nhập. Cùng với việc xây dựng hệ thống luật pháp hoàn chỉnh, nhất quán, phù hợp luật pháp và thông lệ quốc tế, hệ thống hành chính vận hành trôi chảy, suôn sẻ thì cần xây dựng, đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức thành thạo công việc, tinh thông nghề nghiệp, tận tụy và trong sạch.

4.8.1. Khuyến khích đầu tư ra nước ngoài, gắn kết toàn diện nền kinh tế quốc gia với kinh tế thế giới

Tạp chí “Nghiên cứu vấn đề quốc tế” số tháng 6/2001 của Viện nghiên cứu vấn đề quốc tế Trung Quốc nêu nhận xét, trong sự phát triển của toàn cầu hoá kinh tế, các nước phát triển thi hành chính sách buôn bán và đầu tư quốc tế ngày càng có xu hướng nghiêng về lợi ích của họ. Do dân số làm việc của các nước phát triển hàng năm sẽ giảm 1% sau năm 2010 nên dự trữ và đầu tư toàn thế giới sẽ suy giảm và làm sự phát triển kinh tế các nước phát triển chậm lại. Công ty tư vấn đầu tư toàn cầu Lander cho rằng, để kinh tế toàn cầu phát triển thành công thì vấn đề quan trọng là tạo ra những điều kiện thuận lợi để hàng hoá, tiền vốn và lao động, kỹ thuật được tự do lưu chuyển xuyên quốc gia.

Một đặc điểm lớn nữa trong quá trình toàn cầu hoá kinh tế hiện nay là sự lưu chuyển các yếu tố sản xuất rất không đồng đều trên toàn thế giới và có xu hướng ngày càng gia tăng.

Chủ động hội nhập kinh tế thế giới và khu vực, một mặt nước ta mở cửa thị trường để thu hút vốn, kỹ thuật, kỹ năng quản lý từ bên ngoài; kết hợp với sức mạnh kinh tế nội địa để phát triển kinh tế nhanh, bền vững, hiệu quả; mặt khác chúng ta cũng phải xuất khẩu “toàn diện” từ hàng hoá đến các yếu tố của sản xuất, gắn kết chặt chẽ nền kinh tế nội địa với nền kinh tế thế giới khu vực và tham gia vào sự phân công lao động quốc tế, gia nhập các tổ chức kinh tế đa phương.

Ngay từ những thập niên đầu của thế kỷ 21, Nhà nước ta cần có chính sách khuyến khích đầu tư ra nước ngoài, tạo hành lang pháp lý thông thoáng để các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp, các chủ thể kinh tế là người Việt Nam tìm hiểu thị trường khu vực và thế giới, phát huy lợi thế so sánh của Việt Nam để đầu tư ra nước ngoài. Trong quá trình hội nhập kinh tế thế giới và khu vực, cần nghiên cứu những đặc điểm mới của quá trình toàn cầu hoá ở thị trường các nước trong khu vực và trên thế giới để có những ứng xử kịp thời, nắm được cơ hội để xuất khẩu hàng hoá, xuất khẩu lao động, thực hiện có hiệu quả việc gắn kết các yếu tố

sản xuất của nền kinh tế nội địa với nền kinh tế thế giới và các tổ chức kinh tế đa phương. Đồng thời nâng cao năng lực cạnh tranh tổng thể quốc gia của nền kinh tế, vì lợi ích quốc gia dân tộc không vì hội nhập, mở cửa mà lại phụ thuộc và thua thiệt.

Nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Hiệu quả của nền kinh tế là chi phí thấp mà đạt được kết quả cao. Đối với nước ta, việc duy trì tốc độ tăng trưởng 7,5% năm liên tục trong thời gian thập niên cuối thế kỷ 20 và nhiều năm sau này mới có thể đưa nước ta thoát khỏi tình trạng nước nghèo và thực hiện được mục tiêu cơ bản trở thành nước công nghiệp vào 2020. Để duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và bền vững, phải phát huy cao độ nội lực, đồng thời kết hợp sử dụng hiệu quả ngoại lực. Nghĩa là nâng cao hiệu quả việc sử dụng các nguồn lực, các nguồn vốn, phát huy những tiềm năng, lợi thế của nền kinh tế, sức mạnh tổng hợp của các thành phần kinh tế.

Chỉ có nâng cao hiệu quả nền kinh tế mới tăng cường năng lực cạnh tranh. Năng lực cạnh tranh của nền kinh tế khi thực hiện hội nhập và mở cửa trong điều kiện kinh tế thị trường, toàn cầu hoá kinh tế thể hiện ở từng mặt hàng, các loại dịch vụ, mỗi doanh nghiệp và tổng thể quốc gia. Cần có những biện pháp khắc phục càng sớm càng tốt những yếu kém của các doanh nghiệp Việt Nam và các cơ quan quản lý trong quá trình hội nhập làm giảm năng lực cạnh tranh của nền kinh tế như mẫu mã hàng hoá đơn điệu, gian lận thương mại, chất lượng sản phẩm hàng hóa không đảm bảo chuẩn vệ sinh, an toàn cho người tiêu dùng, chất lượng lao động thấp, những nhiễu, tham nhũng, chi phí đầu tư quá cao. Đặc biệt cần giảm chi phí cho các loại dịch vụ mà hiện nay so với các nước là quá cao. Chẳng hạn cước điện thoại cao gấp bảy lần Singapore, cao gấp hai lần so với Thái Lan và hai lần so với Trung Quốc. Về phí giữ container cao gấp ba lần Trung Quốc; cao hơn Thái Lan từ 20% đến 40%.... Hiệu quả kinh tế thấp, năng lực cạnh tranh đã yếu lại càng yếu đi sẽ dẫn đến “thảm bại” ngay trên thị trường nội địa, không thể hội nhập kết quả.

Đây là một thực tế khách quan trong những năm mở cửa thị trường, hội nhập kinh tế thế giới vừa qua. Có thể khẳng định rằng: Nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh của toàn bộ nền kinh tế quốc gia là nhân tố quyết định nhất cho hội nhập kinh tế thế giới và khu vực thành công.

Những điều kiện cơ bản trên đây để hội nhập kinh tế có hiệu quả vừa là khách quan, vừa là chủ quan. Có những điều kiện do thực tiễn quá trình phát triển kinh tế xã hội, chính trị thế giới và trong nước mà có, cũng có những điều kiện phải do chúng ta tạo ra và kết hợp giữa cái khách quan và cái chủ quan. Đó cũng là biện chứng của quá trình lịch sử phát triển hội nhập nền kinh tế Việt Nam với kinh tế quốc tế.

KẾT LUẬN

Thế kỉ 21 đang bước những bước đi đầu tiên. Quá trình hội nhập của Việt Nam trong thế kỉ 21 – thế kỉ của công nghệ thông tin cũng đang dần được mở rộng. Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế thực sự là điều kiện tiên quyết để Việt Nam có thể phát triển kinh tế và hoàn thành sứ mệnh “sánh vai với các cường quốc năm châu”. Bởi Việt Nam không chỉ là đi theo xu hướng chung của thời đại mà còn tìm kiếm những thời cơ cho đất nước.

Việt Nam hội nhập với thế giới sẽ tạo ra rất nhiều điều kiện thuận lợi. Đó không chỉ đơn thuần là mở rộng giao lưu với các nước mà còn là minh chứng cho sự khẳng định vị trí của mình trên trường quốc tế. Từ việc mở rộng thị trường, thu hút vốn đầu tư... làm cho doanh nghiệp có thị phần ngày càng rộng lớn trên thế giới.

Tuy nhiên trong quá trình hội nhập cũng không tránh khỏi những khó khăn, thử thách như: hội nhập với các tổ chức kinh tế quốc tế sẽ đe dọa đến sự tồn tại của một số doanh nghiệp trong nước, ảnh hưởng tới chính trị, văn hoá của một quốc gia... Nhưng không vì thế mà chúng ta bỏ đi thời cơ của mình. Trái lại, chúng ta “hoà nhập chứ không hoà tan”, các doanh nghiệp Việt Nam không tự chôn mình mà tìm những giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh. Nói một cách chung nhất, chúng ta hãy tranh thủ thời cơ, khắc phục khó khăn, đẩy mạnh quá trình chủ động hội nhập hơn nữa.

Chúng ta, những chủ nhân tương lai của đất nước phải thấy được tầm quan trọng của vấn đề hội nhập đối với sự phát triển của quốc gia. Từ đó thực hiện tốt trách nhiệm của mình để góp phần vào sự tiến bộ của đất nước.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Bộ Ngoại giao, *Việt Nam hội nhập kinh tế trong xu thế toàn cầu hóa: Vấn đề và giải pháp*, Nhà Xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002.
2. GS Ngô Quý Tùng, *Kinh tế tri thức, xu thế mới của xã hội thế kỷ 21*, Nxb Chính trị Quốc gia, H.2000.
3. GS Trần Nhâm (chủ biên), *Có một Việt Nam như thế - Đổi mới và phát triển*, Nxb Chính trị Quốc gia, H.1997.
4. *Hồ Chí Minh*, Toàn tập, các tập 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12.
5. Lênin: “ *Chủ nghĩa đế quốc – giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản toàn tập – tập 27*”
6. Nguyễn Luyện: “ *Việt Nam trên đường hội nhập kinh tế thế giới*” (Tạp chí xây dựng số 6 - 2000).
7. Nguyễn Thanh Mai: “ *Toàn cầu hoá kinh tế và hội nhập của Việt Nam trước thiên niên kỷ mới*” (Thương mại số 7 - 2000).
8. Phạm Bình Mân: “*Hội nhập kinh tế quốc tế: cơ hội và thách thức*” (Tạp chí công nghệ Việt Nam số 3 - 2001).
9. Phạm Quốc Trụ, “*Thực trạng hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam những năm qua và triển vọng những năm tới*”, Tạp chí *Nghiên cứu quốc tế* số 1 (80) tháng 3/2010.
10. Phạm Thị Túy: “ *Toàn cầu hoá và những tác động*” (Nghiên cứu kinh tế số 290 – tháng 7/2002
11. TS. Phạm Văn Khánh (2008), *Mấy ý kiến về chủ trương hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng và Nhà nước*, Hội thảo Quốc tế Việt Nam học lần thứ 3.

12. *Văn kiện đại hội đảng VI, VII, VIII, IX, X*
13. *Việt Nam 20 năm đổi mới*, Nxb Chính trị Quốc gia, H.2006.

Website:

14. <http://www.mofahcm.gov.vn>
15. <http://nghiencuubiendong.vn>
16. <http://truyenthongkhoahoc.vn>
17. <http://www.vietnamembassy-finland.org>
18. http://www.hids.hochiminhcity.gov.vn/c/document_library/get_file?uuid=2f0f98cd-78a6-4930-a31d-c76720a91dc8&groupId=13025
19. http://dangcongsan.vn/CPV/Modules/News/NewsDetail.aspx?co_id=30313&cn_id=20237
20. http://www.quangngai.gov.vn/quangngai/tiengviet/chuyennganh/bqlkc/2811261_3045/